

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2019

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Trọng.

Bà Đinh Thị Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị S, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Thạch D, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Thạch Thị S trình bày: Chị và anh Thạch D chung sống với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè. Thời gian chung sống với anh D một người con chung tên Thạch C, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2008, hiện con chung do chị S đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian còn sống chung, vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã, anh D thường hay đánh đập chị nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Do đó, chị S và anh D đã không còn sống chung với nhau từ năm 2010 đến nay. Do không còn sống chung với anh D đã nhiều năm nay, chị S cũng không còn tình cảm với

anh D nữa nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị S yêu cầu được ly hôn với anh Thạch D. Về con chung: chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Thạch C, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2008. Về cấp dưỡng nuôi con: theo đơn khởi kiện cũng như tại các phiên hòa giải chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi nhưng tại phiên tòa hôm nay chị xét thấy anh D không có khả năng cấp dưỡng nuôi con nên chị xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Thạch D là bị đơn vắng mặt nhưng có lời khai bày: anh thống nhất như lời trình bày của chị S về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Riêng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thường hay cự cãi nhau; ngoài ra, có vài lần do uống rượu cãi nhau vì không kiềm chế được nên anh chỉ đánh đập vợ nhưng chỉ có vài lần chứ không phải thường xuyên như vợ nói. Anh và chị S đã không còn chung sống từ năm 2010 cho đến nay.

Về hôn nhân: Anh D không thống nhất ly hôn với chị S nhưng anh cũng không muốn đoàn tụ vì anh không còn tình cảm với chị S. Mục đích anh không đồng ý ly hôn là để chờ cho chị S nuôi con chung tên Thạch C đủ 18 tuổi thì anh mới đồng ý ly hôn.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

Về con chung: anh thống nhất giao con chung tên Thạch C, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2008 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con. Lý do, là anh không có việc làm ổn định nên không có khả năng về kinh tế để cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Thị S, cho chị S được ly hôn với anh Thạch D. Về con chung: giao cháu Thạch C, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2008 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về chia tài sản: chị S và anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: chị S và anh D khai không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: chị S được miễn nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị S và anh D tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị S và anh D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, không quan tâm lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị S và anh D cũng không còn chung sống với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị Thạch Thị S yêu cầu ly hôn với anh Thạch D nhưng anh Thạch D không thống nhất ly hôn.

[3] Xét thấy, việc anh Thạch D không thống nhất ly hôn với chị S là không có căn cứ, bởi lẽ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có nhiều lần mời các bên đến Tòa án để hòa giải tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm nhưng chị S vẫn cương quyết ly hôn, còn anh D không đồng ý ly hôn và cũng không xin được đoàn tụ mà chờ cho chị S nuôi con chung tên Thạch C tròn 18 tuổi thì anh D sẽ đồng ý ly hôn. Ngoài ra, anh D cũng thừa nhận là vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2010 cho đến nay, từ khi hai người không còn chung sống với nhau thì cả hai không quan tâm nhau và cũng không còn liên lạc với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương thể hiện cuộc sống hôn nhân của chị S và anh D sống không hạnh phúc. Từ đó, xét thấy đời sống chung giữa chị Thạch Thị S và anh Thạch D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên chị Thạch Thị S yêu cầu ly hôn với anh Thạch D là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị S và anh D không còn chung sống với nhau thì con chung tên Thạch C, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2008 do chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Đồng thời, anh D cũng đồng ý giao con chung tên Thạch C cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị S là có căn cứ và cũng phù hợp với ý chí, nguyện vọng của Thạch C.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: theo đơn khởi kiện cũng như lời trình bày của chị S tại các phiên hòa giải thì chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị Thạch Thị S nhận thấy anh D không có khả năng cấp dưỡng nuôi con nên chị S không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con và xin rút yêu cầu này. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị S không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận yêu cầu này của chị S.

[6] Về tài sản chung: Chị S và anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị S và anh D khai không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: chị S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị S;

Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị S ly hôn với anh Thạch D.

Về con chung: Giao con chung tên Thạch C, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2008 cho chị Thạch Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị S.

Về chia tài sản: Chị Thạch Thị S và anh Thạch D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Thạch Thị S và anh Thạch D khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Thạch Thị S được miễn toàn bộ án phí án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai